

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 7 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành**  
**Công trình: Hội trường huyện Phù Mỹ**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 414/TTr-STC ngày 09/7/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành**

- Tên công trình: Hội trường huyện Phù Mỹ.
- Chủ đầu tư: UBND huyện Phù Mỹ.
- Đại diện chủ đầu tư: Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện Phù Mỹ.
- Cơ quan phê duyệt báo cáo dự án: UBND tỉnh Bình Định.
- Địa điểm xây dựng: huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.
- Thời gian khởi công – hoàn thành (thực tế): 16/11/2019-09/12/2020.

**Điều 2. Kết quả đầu tư**

**1. Nguồn vốn đầu tư:**

Đơn vị tính: đồng

Nguồn	Dự toán được duyệt (lần cuối)	Giá trị phê duyệt quyết toán	Thực hiện	
			Đã thanh toán	Còn được thanh toán
1	2	3	4	5
<b>Tổng số</b>	<b>13.466.747.000</b>	<b>13.356.174.000</b>	<b>12.565.255.000</b>	<b>790.919.000</b>
Trong đó: - Ngân sách tỉnh: + Nguồn đầu tư tập trung:			3.681.000.000 3.681.000.000	

- Ngân sách huyện:		8.884.255.000
+ Nguồn thu tiền sử dụng đất:		8.884.255.000

## 2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán được duyệt lần cuối	Giá trị quyết toán
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>13.466.747.000</b>	<b>13.356.174.000</b>
<b>I</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>	<b>9.312.464.000</b>	<b>9.637.187.000</b>
	<i>Trong đó: - Chi phí xây lắp</i>	<i>9.312.464.000</i>	<i>9.309.609.000</i>
	- Chi phí xây dựng nhà tạm		93.594.000
	- Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế		233.984.000
<b>II</b>	<b>Chi phí thiết bị</b>	<b>2.437.851.000</b>	<b>2.434.244.000</b>
	- Thiết bị (bàn ghế)	2.312.951.000	2.310.344.000
	- Trang thiết bị âm thanh	124.900.000	123.900.000
<b>III</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>328.208.000</b>	<b>328.208.000</b>
<b>IV</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư</b>	<b>897.225.000</b>	<b>895.013.000</b>
1	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất	72.199.000	72.199.000
2	Chi phí lập báo cáo KTKT	406.128.000	406.128.000
3	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC, dự toán	51.067.000	48.857.000
4	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSĐT	46.456.000	46.456.000
	- Phần dân dụng	40.445.000	40.445.000
	- Phần thiết bị	6.011.000	6.011.000
5	Chi phí giám sát xây dựng	321.375.000	321.373.000
	- Phần dân dụng	307.550.000	307.549.000
	- Phần thiết bị	13.825.000	13.824.000
<b>IV</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>468.683.000</b>	<b>61.522.000</b>
1	Chi phí bảo hiểm XD	10.299.000	10.299.000
2	Phí thẩm định báo cáo KTKT	1.279.000	0
3	Chi phí thẩm định HSMT & kết quả lựa chọn nhà thầu	10.511.000	0
	- Phần dân dụng	2.000.000	0
	- Phần thiết bị	8.511.000	0
4	Chi phí HĐTV giải quyết kiến nghị của nhà thầu về kết quả lựa chọn nhà thầu	2.000.000	0

5	Chi phí thẩm duyệt PCCC	1.324.000	0
6	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	21.308.000	0
7	Chi phí thuế tài nguyên & phí bảo vệ môi trường	4.639.000	0
8	Chi phí thẩm định giá thiết bị	4.158.000	0
9	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	85.487.000	51.223.000
10	Chi phí hạng mục chung	327.678.000	0
	- Chi phí xây dựng nhà tạm	93.622.000	0
	- Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	234.056.000	0
<b>VI</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>22.316.000</b>	<b>0</b>

### 3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

3.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không

3.2. Chi phí không tạo nên tài sản: không

### 4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
<b>Tổng số</b>			<b>13.356.174.000</b>	<b>13.356.174.000</b>
Tài sản dài hạn (tài sản cố định)			13.356.174.000	13.356.174.000
Tài sản ngắn hạn				

### 5. Vật tư, thiết bị tồn đọng: Không

**Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư, đại diện chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:**

#### 1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Được phép tắt toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
<b>Tổng số</b>	<b>13.356.174.000</b>	
Trong đó:		
1. Đã bố trí :	<b>12.565.255.000</b>	
- Ngân sách tỉnh:	3.681.000.000	
+ Nguồn đầu tư tập trung:	3.681.000.000	

- Ngân sách huyện:	8.884.255.000	
+ <i>Nguồn thu tiền sử dụng đất:</i>	8.884.255.000	
<b>2. Chưa bố trí:</b>	<b>790.919.000</b>	

- Tổng các khoản công nợ phải trả tính đến ngày lập báo cáo quyết toán (ngày 29/3/2021) là:

+ Tổng số nợ phải trả: 790.919.000 đồng, trong đó:

- Chi phí xây dựng	260.137.000
- Chi phí thiết bị	123.024.000
- Chi phí quản lý dự án	328.208.000
- Chi phí tư vấn đầu tư	28.327.000
<i>Chi phí lập báo cáo KTKT</i>	<i>28.327.000</i>
- Chi phí khác	51.223.000
<i>Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	<i>51.223.000</i>

- Tổng số nợ phải thu: không.

**2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:** Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
Văn phòng UBND huyện Phù Mỹ	13.356.174.000	

**3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan:** Chịu trách nhiệm về những nội dung, công việc của từng đơn vị, cơ quan đã thực hiện xây dựng công trình theo quy định của pháp luật.

**Điều 4.** Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan cấp phát, thanh toán, hạch toán chi phí theo đúng quy định của Nhà nước.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Phù Mỹ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- CT, PCT N.T.C.Hoàng;
- CVP, PVPKT;
- Lưu: VT, K14.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tự Công Hoàng**